

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp
dưỡng, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thu Huyền;

2. Bà Phùng Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024, thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 02/2024/TB-TA ngày 16 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nông Thị V, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: anh Ma Văn N, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: bà Hoàng Thị N1 - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L, địa chỉ: số F đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C (viết tắt là: NHCSXH); địa chỉ: số A, Phố L, H, H, Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: bà Triệu Thị Hồng H, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Lạng Sơn (theo Quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19-9-2019); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị V trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Ma Văn N được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận. Tuy nhiên sau đó vợ chồng có mâu thuẫn là do anh Ma Văn N thường xuyên uống rượu say, rồi đánh, chửi vợ con. Nhiều lần anh Ma Văn N uống rượu say xong về đánh đập chị, những lần đó chị không báo đến chính quyền địa phương mà trong gia đình tự giải quyết. Lần bị đánh nặng nhất là vào ngày 09-8-2023, anh Ma Văn N uống rượu say rồi đánh chị gây thương tích nên chị đã báo Công an xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giải quyết, sau đó anh Ma Văn N đã bị Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4427/QĐ-XPHC ngày 05-10-2023 trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình, mức phạt 5.000.000 đồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ma Văn N.

Về con chung: có 02 con chung, con thứ nhất là cháu Ma Sỹ T, sinh ngày 08-11-2005, hiện đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con thứ hai cháu Ma Thị Kiều V1, sinh ngày 15-8-2016, hiện đang ở cùng anh Ma Văn N và cháu đang đi học trường Tiểu học bán trú xã H, huyện C từ thứ hai đến chiều thứ sáu hàng tuần và được Nhà nước chi trả toàn bộ chi phí ăn ở, học tập, cháu chỉ ở nhà cùng anh Ma Văn N vào cuối mỗi tuần. Do anh Ma Văn N đã có nhà ở riêng, nghề nghiệp làm ruộng, trồng rừng, chăn nuôi ngựa nên có thu nhập, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên chị yêu cầu anh Ma Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ma Thị Kiều V1 kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và chị sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Ma Thị Kiều V1 là 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Về mức cấp dưỡng nuôi con, hiện nay chị sinh sống ở vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn của huyện C, đang làm Phó Chủ tịch Hội phụ nữ xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo hình thức bán chuyên trách, nhiệm kỳ đến năm 2026, có mức phụ cấp mỗi tháng là 1.476.000 đồng/tháng, chưa có việc làm thêm khác để có thu nhập nên việc anh Ma Văn N yêu cầu chị cấp dưỡng số tiền 4.000.000đồng/tháng chị không nhất trí vì quá cao so với mức thu nhập của chị, tuy nhiên chị sẽ đi làm thêm ngoài để có thêm thu nhập nên chị yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con Ma Thị Kiều V1 đến khi trưởng thành với mức 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: chị và anh Ma Văn N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ngày 22-3-2022, chị và anh Ma Văn N (do anh Ma Văn N đã uỷ quyền cho chị vào ngày 14-3-2022) vay Ngân hàng C, thông qua Phòng giao dịch NHCSXH huyện C, tỉnh Lạng Sơn số tiền 50.000.000đồng (năm mươi triệu

đồng); chương trình vay phát triển kinh tế chăn nuôi ngựa sinh sản hộ mới thoát nghèo. Sổ vay vốn đứng tên chị là Nông Thị V; sau khi được giải ngân, vợ chồng chị đã mua ngựa giống sinh sản, hạn trả cuối cùng là tháng 03-2027. Đối với khoản nợ này, chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Ma Văn N trình bày: về quá trình tìm hiểu và thời gian kết hôn đúng như chị Nông Thị V trình bày. Đến khoảng 03 năm gần đây, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm một số việc dẫn đến cãi chửi nhau, đánh nhau. Vào tháng 8 năm 2023, trong lúc cãi nhau chị Nông Thị V có dọa ly hôn nên trong lúc nóng nảy, anh đã đánh chị vạ và bị xử phạt vi phạm hành chính như chị Nông Thị V2 trình bày. Mâu thuẫn giữa vợ chồng là có thật nhưng không đến mức phải ly hôn, anh không còn tình cảm với vợ nhưng do con còn nhỏ, anh không đồng ý hôn, yêu cầu đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: có 02 con chung như chị Nông Thị V2 trình bày. Đối với cháu Ma Sỹ T, sinh ngày 08-11-2005 đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Ma Thị Kiều V1, sinh ngày 15-8-2016, hiện đang ở cùng anh và cháu đang đi học trường Tiểu học bán trú xã H, huyện C từ thứ hai đến chiều thứ sáu hàng tuần và được Nhà nước chi trả toàn bộ chi phí ăn ở, học tập, anh chỉ đón cháu về ở nhà cùng anh vào cuối tuần thứ bảy, chủ nhật, sáng thứ hai hàng tuần anh đưa cháu trở lại trường học. Trường hợp ly hôn, anh đồng ý với yêu cầu của chị Nông Thị V để anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ma Thị Kiều V1, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về điều kiện nuôi con, tuy anh đang sinh sống ở vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn của huyện C, nhưng anh đã có nhà ở riêng ổn định, nghề nghiệp hiện anh làm ruộng, trồng rừng, chăn nuôi ngựa nên có thu nhập, đảm bảo đủ điều kiện trường hợp được trực tiếp nuôi con Ma Thị Kiều V1.

Về cấp dưỡng: anh không nhất trí với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng như yêu cầu chị Nông Thị V đưa ra, anh yêu cầu chị Nông Thị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Ma Thị Kiều V1 với số tiền 4.000.000 đồng/tháng mới đảm bảo nhu cầu ăn ở, sinh hoạt, học tập cho con đến khi trưởng thành. Chị Nông Thị V không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Anh Ma Văn N thừa nhận với nhu cầu chi tiêu cho ăn ở, sinh hoạt, học tập hàng tháng của cháu Ma Thị Kiều V1 trong thời gian cháu ở nhà cùng anh hết số tiền 1.500.000 đồng/tháng và bản thân anh không biết hiện tại chị Nông Thị V đang làm công việc gì và có thu nhập bao nhiêu, anh cũng không cung cấp được cho Tòa án căn cứ chứng minh cho yêu cầu chị Nông Thị V cấp dưỡng số tiền 4.000.000 đồng/tháng và không cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về nhu cầu chi tiêu sinh hoạt hàng tháng của cháu Ma Thị Kiều V1 hết số tiền 4.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng có 01 khoản vay tại Ngân hàng C xã hội số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), vay về để gia đình phát triển kinh tế chăn nuôi ngựa sinh sản hộ mới thoát nghèo, đúng như chị Nông Thị V trình bày. Đối với khoản nợ này, anh không đồng ý là nợ chung vì anh chỉ được đi ký uỷ quyền

cho chị Nông Thị V vay vốn, còn tiền do chị Nông Thị V tự nhận và chi tiêu, trả lãi hàng tháng nên anh không đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả nợ, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh không cung cấp được cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đây là khoản nợ riêng của chị Nông Thị V.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội do bà Triệu Thị Hồng H trình bày: ngày 22-3-2022, chị Nông Thị V và anh Ma Văn N vay Ngân hàng C - Phòng giao dịch NHCSXH huyện C, tỉnh Lạng Sơn số tiền gốc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất cho vay 8,25%/năm; hạn trả nợ cuối cùng ngày 22-3-2027; mã món vay 6600000722480806; tài sản đảm bảo tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo. Tính đến ngày 19-9-2024, chị Nông Thị V, anh Ma Văn N còn nợ số tiền gốc là 50.000.000 đồng; nợ lãi 0 đồng. Đối với khoản vay này, chị Nông Thị V, anh Ma Văn N vẫn đang thực hiện đúng nghĩa vụ đối với khoản vay và chưa đến hạn trả nợ. Trường hợp, Tòa án giải quyết cho chị Nông Thị V và anh Ma Văn N ly hôn đề nghị chị Nông Thị V và anh Ma Văn N tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đối với khoản vay theo quy định. Trường hợp chị Nông Thị V và anh Ma Văn N phân chia tài sản chung thì đề nghị ai là người nhận tài sản thì người đó phải chịu trách nhiệm trả nợ khoản vay cho NHCSXH. Trường hợp không thoả thuận được thì đề nghị hộ chị Nông Thị V trả nợ trước hạn cho ngân hàng.

Theo biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên, cháu Ma Thị Kiều V1 trình bày: việc bố mẹ có mâu thuẫn cháu không rõ, trường hợp bố mẹ ly hôn cháu mong muốn ở với bố hoặc mẹ đều được. Hiện cháu đang ở với bố và anh trai, còn mẹ đi làm xa, ít khi về, chỉ gọi điện hỏi thăm cháu.

Tại Giấy xác nhận của bà Nông Thị Đ (mẹ đẻ chị Nông Thị V) cho biết: bà nhiều lần chứng kiến việc anh Ma Văn N đánh bạc, uống rượu say rồi về nhà đánh đập vợ, con khiến con gái bà nhiều lần về nhà ngoại ở, có lần đánh chị Nông Thị V phải nhập viện. Nhiều lần anh Ma Văn N xuống nhà, xin lỗi và hứa không tái phạm nữa nhưng chỉ được một thời gian ngắn lại xảy ra tình trạng cũ khiến con gái bà phải bỏ nhà đi nơi khác làm việc.

Tại Biên bản xác minh với Công an xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cho biết: ngày 09-8-2023, tại nhà riêng anh Ma Văn N có hành vi đánh đập gây thương tích cho chị Nông Thị V và bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: về tố tụng, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật; không có kiến nghị gì về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 60, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nông Thị V. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nông Thị V được ly hôn với anh Ma Văn

N. Về con chung: anh Ma Văn N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Ma Thị Kiều V1 sinh ngày 15-8-2016 đến khi đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi đủ 18 tuổi, không phải chịu lãi suất chậm trả. Về tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét. Về nợ chung: chị Nông Thị V và anh Ma Văn N có trách nhiệm tiếp tục thực hiện hợp đồng vay vốn trả gốc và lãi cho Ngân hàng C như hợp đồng vay đã ký kết. Về án phí: chị Nông Thị V được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm: trích lục kết hôn; giấy tờ tùy thân; giấy khai sinh; các biên bản tổng đạt văn bản tố tụng; bản tự khai, các biên bản lấy lời khai; đơn trình bày; biên bản xác minh, ...

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đã thống nhất: chị Nông Thị V và anh Ma Văn N có đăng ký kết hôn số 01-2004, ngày 28-02-2004 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và có 02 con chung là cháu Ma Sỹ T, sinh ngày 08-11-2005 và cháu Ma Thị Kiều V1, sinh ngày 15-8-2016.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật tuy nhiên bị đơn Ma Văn N đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được vụ án, Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nông Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng, chia tài sản khi ly hôn. Bị đơn anh Ma Văn N cư trú tại thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại các khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà Triệu Thị Hồng H có đơn xin xét xử vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là bà Hoàng Thị N1 có đơn đề nghị Tòa án chuyển lịch xét xử do trùng lịch xét xử. Xét thấy, đây là phiên tòa mở lần thứ hai người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị chuyển ngày xét xử không phải là căn cứ để hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Nông Thị V và anh Ma Văn N kết hôn có đăng ký kết hôn năm 2004, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trên cơ sở tự nguyện, nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do anh Ma Văn N thường xuyên uống rượu say rồi đánh đập chị Nông Thị V gây thương tích dẫn đến anh Ma Văn N bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bạo lực gia đình việc này đã được thể hiện trong các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Mặt khác, anh Ma Văn N cũng thừa nhận không còn tình cảm với vợ nhưng anh không đồng ý ly hôn và không đưa ra được

lý do, căn cứ cho yêu cầu được đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Nông Thị V là có căn cứ quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: chị Nông Thị V và anh Ma Văn N có 02 con chung là cháu Ma Sỹ T, sinh ngày 08-11-2005 và cháu Ma Thị Kiều V1, sinh ngày 15-8-2016.

[4.1] Đối với cháu Ma Sỹ T, sinh ngày 08-11-2005, do đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.2] Đối với cháu Ma Thị Kiều V1, sinh ngày 15-8-2016, hiện đang ở cùng anh Ma Văn N. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Nông Thị V yêu cầu giao cháu Ma Thị Kiều V1 cho anh Ma Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với điều kiện về nơi ăn ở, sinh hoạt thực tế của cháu Ma Thị Kiều V1 hiện đang ở cùng nhà với anh Ma Văn N, như vậy sẽ đảm bảo không gây ảnh hưởng đến cuộc sống ổn định hiện tại của cháu Ma Thị Kiều V1 và phù hợp với ý kiến của của các đương sự và nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, anh Ma Văn N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ma Thị Kiều V1 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp quy định pháp luật. Chị Nông Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: chị Nông Thị V yêu cầu được tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đồng/tháng đến khi con trưởng thành là phù hợp điều kiện hiện nay của chị Nông Thị V và chị cam kết trong thời gian tới sẽ tìm thêm việc để có thêm thu nhập cấp dưỡng nuôi con; mức cấp dưỡng này cũng phù hợp với nhu cầu chi tiêu cho ăn ở, sinh hoạt thực tế hàng tháng cho cháu Ma Thị Kiều V1 trong thời gian cháu ở nhà cùng anh Ma Văn N vào các ngày cuối tuần được chính anh Ma Văn N trình bày thừa nhận tại phiên tòa, không trái quy định của pháp luật nên được hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn anh Ma Văn N yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con Ma Thị Kiều V1 số tiền 4.000.000 đồng/tháng, từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi. Thấy rằng cháu Ma Thị Kiều V1 hiện đang sinh sống tại thôn P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là xã miền núi thuộc vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn của huyện C, có mức thu nhập trung bình thấp, hơn nữa mức thu nhập của chị Nông Thị V có căn cứ chứng minh trong hồ sơ vụ án là 1.476.000 đồng/tháng từ phụ cấp làm Phó Chủ tịch hội phụ nữ xã H, huyện C và hiện nay chị không có thu nhập hay tài sản gì để có nguồn thu nhập thêm. Trong khi đó cháu Ma Thị Kiều V1 đang ăn ở sinh hoạt, học tập chính tại trường Tiểu học bán trú xã H và thuộc trường hợp được Nhà nước chi trả toàn bộ chi phí ăn ở, sinh hoạt, học tập và tại phiên tòa anh Nông Văn N2 tự mình đưa ra mức chi tiêu cho nhu cầu ăn ở, sinh hoạt, học tập của cháu Ma Thị Kiều V1 trong thời gian cháu ở nhà cùng anh vào các ngày cuối tuần thứ bảy, chủ nhật hàng tuần với mức trung bình là 1.500.000 đồng/tháng và anh không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho nhu cầu ăn ở, sinh hoạt, học tập

của cháu Ma Thị Kiều V1 với số tiền 4.000.000 đồng/tháng. Mặt khác anh Ma Văn N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh chị Nông Thị V có việc làm, mức thu nhập đáp ứng mức cấp dưỡng như anh yêu cầu. Do vậy yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con của anh Ma Văn N là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Chị Nông Thị V không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng do anh Nông Văn N2 không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện chị Nông Thị V và anh Ma Văn N có vay Ngân hàng C - Phòng giao dịch NHCSXH huyện C, tỉnh Lạng Sơn số tiền gốc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo vay vốn để phát triển kinh tế chăn nuôi ngựa sinh sản; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 22-03-2027. Anh Ma Văn N thừa nhận có được ký uỷ quyền cho chị Nông Thị V vay khoản tiền trên, tuy nhiên chị Nông Thị V là người nhận tiền và sử dụng toàn bộ vốn vay nên anh Ma Văn N không đồng ý cùng chị Nông Thị V chịu trách nhiệm trả nợ. Xét thấy, anh Ma Văn N là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự để nhận thức được việc ký uỷ quyền cho chị Nông Thị V vay vốn ngân hàng và anh không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh đây là khoản vay riêng của chị Nông Thị V nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của anh. Đối với khoản vay này, do thời hạn hợp đồng vẫn còn và chị Nông Thị V và anh Ma Văn N vẫn đang thực hiện đúng nghĩa vụ đối với khoản vay theo quy định. Mặt khác, phía NHCSXH cũng có yêu cầu chị Nông Thị V và anh Ma Văn N tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đối với khoản vay theo quy định, chị Nông Thị V cũng yêu cầu khi ly hôn chị Nông Thị V và anh Ma Văn N cùng chịu trách nhiệm trả nợ chung cho NHCSXH. Do đó khi ly hôn, chị Nông Thị V và anh Ma Văn N tiếp tục có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi của khoản vay này cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: chị Nông Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con để nộp ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, chị Nông Thị V có đơn xin được miễn án phí do thuộc trường hợp người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nông Thị V được miễn án phí theo quy định.

[10] Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1, 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm đ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các Điều 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nông Thị V. Xử cho chị Nông Thị V được ly hôn với anh Ma Văn N.

2. Về con chung: Anh Ma Văn N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Ma Thị Kiều V1, sinh ngày 15-8-2016, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Nông Thị V không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng do anh Nông Văn N2 không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với cháu Ma Sỹ T, sinh ngày 08-11-2005, đã trưởng thành nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Nông Thị V và anh Ma Văn N cùng có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi phát sinh của khoản vay cho Ngân hàng C - Phòng giao dịch NHCSXH huyện C, tỉnh Lạng Sơn, theo Sổ vay vốn mã món vay 6600000722480806 đã ký kết ngày 22-3-2022.

Trường hợp phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

5. Về án phí: chị Nông Thị V được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- UBND xã Hữu Kiên, huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Thanh Huyền